

BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ VÀ CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026

ĐƠN VỊ: SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SVHTTDL ngày tháng 8 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Loại, Khoản	Mã đơn vị sử dụng NSNN	Tổng số	Bổ sung nhiệm vụ phát sinh	Kinh phí được sử dụng và bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026	Trong đó			Mã kho bạc
								Nguồn tiết kiệm thực hiện CCTL		Nguồn trích thực hiện để cải cách tiền lương 35-40%	
								Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
A	B	C	D	E	I=2+3	2	3=4+6	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG				1.989	323	1.666	1.651	1.651	15	
A	Kinh phí điều chỉnh nâng mức lương				1.666	-	1.666	1.651	1.651	15	
I	Quản lý nhà nước				418	-	418	403	403	15	
I	Văn phòng sở		340-341	1014720	418	-	418	403	403	15	3.161
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				418	-	418	403	141	15	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	14			-		-	-	141		
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	13			-			403	-	15	
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				-		-	-	262		
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	14			-		-	-	262		
	+ Kinh phí tiền thưởng	18			-		-	-			
II	Sự nghiệp văn hoá thông tin				1.010	-	1.010	1.010	1.010	-	
1	Thư viện tỉnh		160 - 161	1041636	182	-	182	182	182	-	3161
-	Kinh phí thường xuyên				182	-	182	182	41		
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	14			-		-	-	41		
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	13			-			173	-		
	+ Kinh phí tiền thưởng	18			-			9			

STT	Nội dung	Mã nguồn	Loại, Khoản	Mã đơn vị sử dụng NSNN	Tổng số	Bổ sung nhiệm vụ phát sinh	Kinh phí được sử dụng và bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026	Trong đó			Mã kho bạc
								Nguồn tiết kiệm thực hiện CCTL		Nguồn trích thực hiện để cải cách tiền lương 35-40%	
								Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
-	Kinh phí không thường xuyên				-		-		141		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	14			-		-		141		
2	Bảo tàng tỉnh		160 - 161	1087529	129	-	129	129	129		3161
-	Kinh phí thường xuyên				129		129	129	79		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	14			-		-	-	79		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	13			-			129	-		
-	Kinh phí không thường xuyên				-	-			50		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	14			-		-		50		
3	Bảo tàng tỉnh		160 - 161	1087529	40	-	40	40			3161
-	Kinh phí thường xuyên	13			-			40	-		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>							40			
4	Văn phòng sở	14	160 - 161	1014720					40		
-	Kinh phí không thường xuyên				-	-			40		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>								40		
5	Trung tâm Văn hoá - Nghệ thuật tỉnh		160 - 161	1087537	659	-	659	659	659		3161
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				659		659	659	348		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	14			-		-	-	348		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	13			-			659	-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				-		-	-	311		
	+ <i>Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương</i>	14			-		-	-	311		

STT	Nội dung	Mã nguồn	Loại, Khoản	Mã đơn vị sử dụng NSNN	Tổng số	Bổ sung nhiệm vụ phát sinh	Kinh phí được sử dụng và bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương năm 2026	Trong đó			Mã kho bạc
								Nguồn tiết kiệm thực hiện CCTL		Nguồn trích thực hiện để cải cách tiền lương 35-40%	
								Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		
III	Sự nghiệp thể thao				238	-	238	238	238	-	
1	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT		220 - 221	1.087.538	238	-	238	238	238		3161
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				238	-	238	238	-	-	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	14			-		-	-			
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	13			-			220	-		
	+ Kinh phí tiền thưởng	18			-			18	-		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				-		-	-	238		
	+ Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	14			-		-	-	238		
B	Kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của chính phủ				323	323	-	-	-		
1	Trung tâm Văn hoá		160 - 161	1087537	323	323	-	-	-		3161
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Kinh phí thực hiện tinh giảm biên chế theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của chính phủ cho viên chức Vàng Văn Mạnh)	12			323	323	-	-	-		